TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 320/2023/DS-PT
Ngày: 20/3/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hiền**
Các Thẩm phán: 1. Bà **Vũ Thị Thu Hương**
2. Ông **Uông Văn Tuấn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **An Phương Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hoàng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2023/DSPT ngày 12/01/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3895/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 435/2023/QĐ-PT ngày 08/02/2023, ngày giờ mở lại phiên tòa được ấn định tại quyết định hoãn phiên tòa số 2144/2023/QĐ-PT ngày 01/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955
Địa chỉ: 478 Nguyễn Thị Đ, phường Thạnh Mỹ L, thành phố T, Thành phố H.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ: 164 đường A4, phường Trường T, thành phố T, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Lê N, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: 56A đường số 6, phường Đ, thành phố T, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thuận H, sinh năm 1974 (xin vắng)
2. Bà Trần Thái Hồng C, sinh năm 1973 (xin vắng)
Địa chỉ: 132/185 Đoàn V, Phường M, Quận B, Thành phố H.

Người làm chứng:

Ông Đinh Tấn P, sinh năm 1955 (vắng mặt)
Địa chỉ: 478 Nguyễn Thị Đ, phường L, thành phố T, Thành phố H.

Người kháng cáo: Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng bản tự khai và các biên bản hòa giải lập tại Tòa án, người đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và Ông N có quen biết nhau. Ngày 20/6/2019 qua giới thiệu và bảo lãnh của ông Nhỉ, bà Hđồng ý cho Ông Nguyễn Thuận H và Bà Trần Thái Hồng C vay nợ số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng), lãi suất theo quy định ngân hàng, thời hạn thanh toán: 18 tháng, phương thức thanh toán: Trả trong 06 quý và mỗi lần 01 quý (03 tháng) trả số tiền là 16.670.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 20/6/2019 có ông N là người bảo lãnh.

Tuy nhiên từ ngày lập giấy vay tiền và nhận đủ tiền đến nay thì ông H , bà C không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết, bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông H bà C không trả nợ, do đó Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Ông Lê N là người bảo lãnh khoản vay có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu đồng).

Bà Hrút 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ông Lê N phải trả số tiền lãi là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) và rút yêu cầu hủy giấy vay tiền lập ngày 20/6/2019 giữa Bà Nguyễn Thị H và Ông Nguyễn Thuận H và Bà Trần Thái Hồng C.

Tại bản tự khai ngày 11/8/2020, bị đơn trình bày: Năm 2016, Ông Lê N có làm việc ở Ngân hàng V và lập hợp đồng vay vốn cho Ông Nguyễn Thuận H. Trong thời gian vay vốn, ông H hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng tiền với Ngân hàng.

Năm 2019, ông H có nhu cầu vay thêm tiền, tại thời điểm đó Ngân hàng siết chặt tín dụng nên ông N chưa kịp làm hồ sơ vay vốn cho ông H. Thấy ông H có nhu cầu vay thêm tiền và nhờ ông N kiếm một nguồn tiền cho ông H vay tạm thời để giải quyết công

việc, ông N lại có quen biết bà H(qua việc hỗ trợ vay tín dụng có tài sản thế chấp cho bà H, và sau khi vay bà Hcòn một số tiền), biết bà H có nhu cầu cho vay tiền để kiếm thêm thu nhập, nên ông N đã giới thiệu ông H đến gặp và bà H đồng ý cho ông H vay số tiền 100.000.000 đồng.

Ông N có ghi hộ giấy vay tiền cho ông H và ba bên ký vào giấy vay tiền ngày 20/6/2019 do bà H đưa ra, ông N ký với vai trò người làm chứng cho việc vay tiền giữa ông H và bà H. Tuy nhiên, ông Nkhông ghi câu "*tôi cam kết ông H và bà C không trả lại số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất cho bà H thì tôi sẽ trả*". Câu này được ghi thêm sau này, ông không biết. Hơn thế, tại thời điểm cho vay tiền, Ông Đinh Tấn P không có mặt và ký vào người làm chứng.

Sau đó, ông N hỗ trợ bà H thu hồi tiền lãi và các vấn đề khác để thu lại tiền cho bà H, nhưng do ông H đã đi khỏi nơi cư trú nên ông N không liên lạc được.

Nay bà H yêu cầu ông N phải trả số tiền 100.000.000 đồng, ông N không đồng ý, vì ông N chỉ đóng vai trò là người giới thiệu và khi phát sinh tranh chấp giữa ông H và bà H, ông sẽ ra làm chứng việc vay vốn giữa hai bên chứ ông không có nghĩa vụ trực tiếp phải trả số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Thuận H và Bà Trần Thái Hồng C vắng mặt nên không có lời khai.

Người làm chứng Ông Đinh Tấn P có văn bản trình bày lời khai làm chứng:

Qua quen biết và uy tín của mình, ông N đã giới thiệu và bảo lãnh để Bà Nguyễn Thị H đồng ý cho Ông Nguyễn Thuận H và Bà Trần Thái Hồng C vay tiền.

Ngày 20/6/2019, ông Ncó dẫn Ông Nguyễn Thuận H và Bà Trần Thái Hồng C và cùng một người đàn ông nữa mà ông Phước không nhớ rõ họ tên đến nhà Bà Nguyễn Thị H tại địa chỉ số 478, Nguyễn Thị D, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố H để ông H và bà C ký giấy vay tiền của bà H, sau khi hai bên đã bàn bạc và cùng thống nhất thì lúc này, bên phía ông H , bà C có nhờ ông Nghi nội dung trong giấy vay tiền ngày 20/6/2019, sau khi ghi xong nội dung thì bà Hcó đọc lại và thấy dòng chữ người bảo lãnh ông Nchỉ ghi tên Lê Nhỉ nên bà Hcảm thấy không an tâm và bà Hcó yêu cầu phía ông Nghi thêm dòng chữ "tôi cam kết ông H bà C không trả lại số tiền 100.000.000 đ và lãi suất cho bà Hthì tôi sẽ trả" và sau đó bên phía ông H , bà C có nhờ một người đàn ông đi cùng cầm viết ghi dòng chữ nêu trên (vì lúc này ông N đang nghe điện thoại). Sau khi bên phía ông H , bà C ghi xong thì bà H vào trong nhà lấy ra số tiền 100.000.000 đồng đưa cho ông H , bà C. Sau khi đếm đủ số tiền thì tất cả các bên liên quan cùng ký tên vào giấy vay tiền ngày 20/6/2019 và các bên đều hiểu rõ đồng ý thống nhất với các

điều khoản trong giấy vay tiền nêu trên. Căn cứ vào giấy vay tiền được lập ngày 20/6/2019 thì Ông Nguyễn Thuận H và bà Thái Thị Hồng C cùng đứng tên vay của bà H số tiền là 100.000.000 đồng. Ông H và bà C cam kết thanh toán số tiền gốc cho bà H trong vòng 18 tháng, sẽ trả trong 06 quý (18 tháng) và trả một lần 01 quý (03 tháng) số tiền là 16.670.000 đồng. Lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng và trả lãi vào ngày 20 tây hàng tháng. Ông cam đoan lời khai trên là sự thật, nếu có gì gian dối ông xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố T đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định tại Bản án sơ thẩm số 3895/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 như sau:

"1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H về việc: Buộc Ông Lê N là người bảo lãnh khoản vay của Ông Nguyễn Thuận H và Bà Trần Thái Hồng C có trách nhiệm trả cho bà Hsố tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H về việc: Hủy giấy vay tiền lập ngày 20/6/2019 giữa Bà Nguyễn Thị H và Ông Nguyễn Thuận H, Bà Trần Thái Hồng C, yêu cầu Ông Lê N trả số tiền lãi là 11.000.000 đồng (mười mốt triệu đồng).".

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 17/10/2022 nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án vừa nêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu hủy toàn bộ án sơ thẩm vì lý do án sơ thẩm xét xử không khách quan do đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm và trước khi nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo, xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy không có căn cứ xác định Ông Lê N là người bảo lãnh cho ông H , bà C nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hình thức: Kháng cáo của Bà Nguyễn Thị H trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận để xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Đương sự kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm và hủy bản án sơ thẩm do việc xét xử không khách quan vì đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Nguyên đơn xác nhận tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Giấy vay tiền ngày 20/6/2019.

Theo Giấy vay tiền 20/6/2019 (BL.39) thể hiện: Nguyên đơn cho Ông Nguyễn Thuận H và bà Thái Thị Hồng C vay số tiền 100.000.000đ. Vậy giữa bà Hvà ông H , bà C hình thành quan hệ vay tài sản theo quy định của Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định không yêu cầu ông H , bà C trả tiền. Đồng thời Bà Hrút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hủy giấy vay tiền lập ngày 20/6/2019 giữa Bà Nguyễn Thị H và Ông Nguyễn Thuận H và Bà Trần Thái Hồng C và rút yêu cầu về việc trả lãi cho số tiền vay nêu trên là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng), do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Nguyên đơn có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[2.2]. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, Xét thấy:

Theo Điều 335 của Bộ luật Dân sự năm 2015, *bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu*

khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

Nguyên đơn cho rằng Ông Lê N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho người vay là Ông Nguyễn Thuận H và bà Thái Thị Hồng C do lời cam kết "*tôi cam kết ông H và bà C không trả lại số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất cho bà Hthì tôi sẽ trả*" tại Giấy vay tiền ngày 20/06/2019. Tuy nhiên bị đơn không đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh do cho rằng bị đơn không viết dòng chữ cam kết bảo lãnh trên.

Theo người làm chứng trình bày: "*bà H có yêu cầu phía ông Nghi thêm dòng chữ "*tôi cam kết ông H bà C không trả lại số tiền 100.000.000đ và lãi suất cho bà Hthì tôi sẽ trả*" và sau đó bên phía ông H , bà C có nhờ một người đàn ông đi cùng cầm viết ghi dòng chữ nêu trên (vì lúc này ông Nđang nghe điện thoại). Sau khi bên phía ông H , bà C ghi xong thì bà Hvào trong nhà lấy ra số tiền 100.000.000 đồng đưa cho ông H , bà C.*"

Như vậy, người làm chứng đã nêu rõ Ông Lê N không viết dòng chữ cam kết "*tôi cam kết ông H bà C không trả lại số tiền 100.000.000 đ và lãi suất cho bà H thì tôi sẽ trả*" mà do người khác ghi.

Tại biên bản ngày 24/9/2020, cả bà H và ông N đều thừa nhận dòng chữ "*tôi cam kết ông H bà C không trả lại số tiền 100.000.000 đ và lãi suất cho bà H thì tôi sẽ trả*" là do người khác ghi, không phải do Ông Lê N ghi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng xác nhận dòng chữ cam kết nêu trên do người khác ghi, không phải là Ông Lê N viết.

Nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã yêu cầu ông H, bà C trả khoản tiền vay này trước khi yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh Ông Lê N có thỏa thuận cam kết sẽ trả tiền thay cho người vay nếu người vay không trả tiền.

Vậy giữa ông N, bà C và vợ chồng người vay không hình thành thỏa thuận bảo lãnh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Ông Lê N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là đúng quy định pháp luật.

Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng được miễn nộp do là người cao tuổi theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí tại giai đoạn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 148, Điều 271, 272, 273, 276, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm số 3895/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H về việc buộc Ông Lê N là người bảo lãnh khoản vay của Ông Nguyễn Thuận H và Bà Trần Thái Hồng C có trách nhiệm trả cho bà Hsố tiền nợ gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H về việc: Yêu cầu hủy giấy vay tiền lập ngày 20/6/2019 giữa Bà Nguyễn Thị H và Ông Nguyễn Thuận H, Bà Trần Thái Hồng C, yêu cầu Ông Lê N trả số tiền lãi là 11.000.000 đồng (mười mốt triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Bà Nguyễn Thị H đã nộp là 2.775.000 đồng (hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027671 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Bà Nguyễn Thị H còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.225.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn nộp án phí do là người cao tuổi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP H;
- TAND TP T;
- VKSND TP H;
- Cục THADS TP H;
- Chi cục THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hiền

2022DSPT30946
1 000113 4122 18
27.02.2023 11:11
Nguyễn Thị Huệ